

## CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 360 TẬP B (03.2018)

---

- Chăm sóc cây: Làm cỏ, bón phân, đảm bảo tưới, tiêu nước cho cây, cắt tỉa tạo tán cho cây, đôn dây khi cây được một năm tuổi, buộc thân cây tiêu vào trụ, tiến hành phòng trừ sâu bệnh.

### *Thu hoạch, sơ chế và bảo quản*

- Thời gian thu hoạch: tháng 12 đến tháng 2 năm sau, khi trên gié tiêu có từ 1 - 2 trái chín hoặc trên 5% số lượng trái chín.

- Sơ chế: Phơi nắng gié tiêu 3 - 4 giờ sau khi hái. Tách hạt khỏi gié. Tiến hành phơi hạt từ 4 - 5 giờ, sau đó chắt thành đồng hoặc để bao tải ủ qua đêm. Tiếp tục phơi nắng từ 3 - 4 ngày đến khi hạt tiêu khô có độ ẩm nhỏ hơn 13%, vỏ hạt chuyển sang màu nâu, màu xám, màu đen.

- Bảo quản: Đóng gói và bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát.

---

Quyết định: 463/QĐ-SHTT, ngày 12/02/2018

Số đơn: 6-2015-00007

Ngày nộp đơn: 31/12/2015

Chủ đơn: Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên

Địa chỉ: Số 8 Trần Phú, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số: 00065

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

Địa chỉ: Số 7 Độc Lập, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Chỉ dẫn địa lý: Ô Loan

Sản phẩm: Sò huyết

Khu vực địa lý: Xã An Ninh Đông, xã An Hòa, xã An Cư, xã An Hiệp, xã An Hải thuộc huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (theo bản đồ khu vực địa lý nêu tại Điều 2).

### **Tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm**

\* Cảm quan:

- Hình dạng: Sò huyết đầm Ô Loan thuộc giống sò A.granosa, thân sò tròn, vỏ dày dạng hình trứng, hai vỏ bằng nhau. Mặt ngoài vỏ có gờ phóng xạ phát triển và vòng sinh trưởng. Số lượng gờ từ 20 đến 22 gờ, trên mỗi gờ có nhiều hạt hình chữ nhật. Bản lề rộng, hình thoi, có màu nâu đen. Vết cơ khép vỏ sau lớn hình tứ giác, vết cơ khép vỏ trước nhỏ hơn, hình tam giác.

- Màu sắc: Mặt ngoài vỏ có màu nâu đen, xám trắng, mặt trong vỏ có màu trắng sứ. Lượng huyết nhiều và màu đỏ tươi.

- Chiều dài (mm): 31,41 - 35,62

- Chiều rộng (mm): 20,83 - 23,85
- Chiều cao (mm): 21,19 - 25,90
- Số gờ: 20 - 22
- Khối lượng sò (g): 8,95 - 13,67
- Khối lượng vỏ sò (g): 5,44 - 8,02
- Trọng lượng thịt (thịt và huyết) (g): 3,25 - 5,27
- \* Các chỉ tiêu chất lượng trong 100g thịt sò huyết
- Protein (%): 11,19 - 13,07
- Chất béo Lipid (%): 1,03 - 1,29
- Vitamin A (IU/100g): 88,53 - 103,24
- Vitamin B12 (IU/100g): 0,40 - 0,50
- Ca (mg/100g): 11,46 - 14,81
- Fe ( $\mu$ g/100g): 3,67 - 4,77
- Hàm lượng nước (%): 78,65 - 80,67

**Tính chất đặc thù về điều kiện địa lý:**

*Đặc thù về địa hình*

Đầm Ô Loan là vực nước ven bờ biển do lưu vực vùng cửa sông tạo nên. Đầm Ô Loan là loại đầm kín, trải dài theo hướng Bắc - Nam, chạy song song với bờ biển và ngăn cách với bờ biển bởi một dải cát, đầm tiếp nhận nước từ các sông Phụng Lụa, sông Gò Duối và thông với biển qua cửa Tân Quy xã An Hải. Đáy đầm tương đối bằng phẳng và khá nông, độ sâu từ 1,2m - 1,4m.

*Đặc thù về khí hậu*

Đầm Ô Loan nằm sâu trong khu vực nội chí tuyến, có lượng bức xạ mặt trời phong phú. Hàng năm, mặt đầm Ô Loan nhận được nguồn năng lượng mặt trời lớn từ 140Kcal/cm<sup>2</sup> - 150Kcal/cm<sup>2</sup> với trên 2.450 giờ nắng. Nhiệt độ không khí trung bình năm ở đầm Ô Loan là 26,5<sup>0</sup>C, nhiệt độ nước biển thiên đồng bộ với nhiệt độ không khí. Nhiệt độ nước trung bình năm vào tháng 6 là 30,9<sup>0</sup>C, tháng 4 là 30,1<sup>0</sup>C. Nhiệt độ nước thấp nhất vào tháng 1 là 23,7<sup>0</sup>C. Khu vực địa lý có lượng mưa thấp, trung bình năm từ 1.500mm đến 1.600mm, mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 12.

*Đặc thù về môi trường sinh thái*

Đầm Ô Loan có đáy là lớp bùn khá dày. Đặc thù lớp đáy đầm là bề mặt bằng phẳng, mềm và mịn, ở giữa đầm về phía Nam và phía Tây là lớp bùn cát, ở phía Bắc và Đông

Bắt là lớp cát bùn. Hàm lượng cacbon hữu cơ từ 0,65% - 1,73%, hàm lượng đạm từ 0,09% - 0,16%, hàm lượng lân dễ tiêu từ 51,13 mg/100g - 59,78mg/100g; hàm lượng lân tổng số từ 0,13% - 0,16%, hàm lượng kim loại nặng trong ngưỡng tiêu chuẩn cho phép.

Độ mặn trung bình của đầm từ 28‰ - 34‰, và biến đổi theo mùa rõ rệt, mùa khô từ 29,91‰ - 38,98‰, mùa mưa từ 1,07‰ - 2,78‰.

Hàm lượng oxy hòa tan và độ pH của nước ít biến động trong năm, thuận lợi cho sò huyết sinh trưởng.

Hàm lượng muối dinh dưỡng trong đầm thấp. Hàm lượng muối phốt phát trong năm từ 0,5mg P/L - 5,67mg P/L là nguyên nhân dẫn đến tảo phù du phát triển tốt, là nguồn thức ăn quan trọng cho sò huyết.

Đầm Ô Loan nằm trong hệ sinh thái rong - cỏ biển và là vùng thủy vực trung gian nên khu vực địa lý có nguồn thức ăn phong phú và đa dạng.

#### **Quy trình nuôi sò huyết Ô Loan**

*Giống:* Chọn sò huyết giống khỏe, có kích cỡ từ 400 con/kg - 500 con/kg, vỏ ngoài không dập bể, màu nâu đậm, mở vỏ thấy bên trong nội tạng đầy đặn, máu đỏ tươi, để ráo nước tỉ lệ sò giống thò chân bò di chuyển phải đạt trên 95%. Mật độ thả giống là khoảng 6,36 con/m<sup>2</sup>.

*Địa điểm nuôi:* Chọn vùng có sò huyết tự nhiên phân bố, môi trường nuôi phải ổn định, vùng nuôi sò huyết phải cách xa hoặc không chịu ảnh hưởng trực tiếp của nước thải, ưu tiên chọn vùng hạ triều.

*Chăm sóc:* Hàng tháng tiến hành kiểm tra môi trường nước, 3 tháng/lần kiểm tra lưới cọc.

*Khai thác:* Từ lúc thả giống đến lúc thu hoạch ít nhất là 12 tháng đối với sò huyết nuôi và chiều dài sò huyết đạt từ 3 cm trở lên.

*Đóng gói, dán nhãn sản phẩm:* Vật liệu dùng để đóng gói sò huyết phải sạch sẽ, thông thoáng. Dán nhãn sản phẩm lên từng túi/hộp sò huyết với mực in không độc hại, trên nhãn sản phẩm phải ghi tối thiểu nội dung “Sò huyết đầm Ô Loan”.

---